

## Nội dung chỉnh sửa Điều lệ ABBANK theo Luật Doanh nghiệp 2014 và các quy định hiện hành khác

Điều lệ cũ	Điều lệ mới	Cơ sở pháp lý/Lý do điều chỉnh
<b>CHƯƠNG I</b> <b>ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG</b> <b>ĐIỀU LỆ</b>		
<p><b>Điều 1: Định nghĩa</b></p> <p>b) “Vốn Điều lệ” là là số vốn do các thành viên, cổ đông góp hoặc cam kết góp trong một thời hạn nhất định và được ghi vào Điều lệ Ngân hàng An Bình.</p> <p>d. “Luật Doanh Nghiệp”: là Luật Doanh Nghiệp được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2005.</p> <p>f. “Pháp luật” là tất cả các bộ luật, luật, pháp lệnh, nghị định, qui định, thông tư, quyết định và các văn bản pháp luật khác được các cơ quan Nhà nước Việt Nam có thẩm quyền ban hành theo từng thời kỳ liên quan đến các hoạt động Ngân hàng.</p> <p>v. “Người có liên quan” là tổ chức, cá nhân có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp với một tổ chức, cá nhân khác nếu thuộc một trong các trường hợp sau</p>	<p><b>Điều 1: Định nghĩa</b></p> <p>b) “Vốn Điều lệ” là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán của Ngân hàng An Bình.</p> <p>d. “Luật Doanh Nghiệp”: là Luật Doanh Nghiệp được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014.</p> <p>f. “Pháp luật” là các văn bản quy phạm pháp luật theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, bao gồm các hình thức văn bản như Bộ luật, Luật, Pháp lệnh, Nghị định, Quyết định, Thông tư ...</p> <p>v. “Người có liên quan” là tổ chức, cá nhân có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp với một tổ chức, cá nhân khác nếu thuộc một trong các trường hợp sau:</p> <p>v.7 Các quan hệ khác giữa tổ chức, cá nhân mà pháp luật xác định là quan hệ của người có liên quan.</p>	<p>Khoản 29 Điều 4 và Khoản 1 Điều 112 LDN 2014; Điều 1, 2 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật 2008; Thông tư Khoản 15, Điều 3, Thông tư 36/2014/TT-NHNN</p>
<b>CHƯƠNG II</b> <b>TÊN, ĐỊA CHỈ, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ CON DẤU CỦA NGÂN HÀNG AN BÌNH</b>		
<p><b>Điều 2:</b></p> <p>6. Con dấu riêng và tài khoản riêng mở tại NHNN và các Ngân hàng trong nước theo qui định của NHNN.</p> <p>8. Thời hạn hoạt động là 99 (chín mươi chín) năm.</p>	<p><b>Điều 2:</b></p> <p>6. Con dấu riêng và tài khoản riêng mở tại NHNN và các Ngân hàng trong nước theo qui định của NHNN. <i>Việc quản lý, sử dụng và lưu giữ con dấu (bao gồm con dấu của Ngân hàng và các Đơn vị trực thuộc) được thực hiện theo quy định về quản lý, sử dụng và lưu giữ con dấu do Hội đồng quản trị ban hành từng thời kỳ theo đúng quy định pháp luật.</i></p> <p>8. Thời hạn hoạt động là 99 (chín mươi chín) năm, kể từ ngày được cấp phép thành lập và hoạt động.</p>	<p>Điều 44 LDN 2014; Điều 12 Nghị định 96/2015/NĐ-CP</p>

<b>CHƯƠNG III</b>		
<b>MỤC TIÊU CỦA NGÂN HÀNG AN BÌNH, NỘI DUNG VÀ PHẠM VI HOẠT ĐỘNG</b>		
<b>Điều 4: Huy động vốn</b> 6. Vay vốn ngắn hạn của NHNN dưới hình thức tái cấp vốn.	<b>Điều 4. Huy động vốn</b> <b>Bổ Khoản 6</b>	Do trùng lặp nội dung với Khoản 3, Điều này
<b>CHƯƠNG IV</b>		
<b>VỐN ĐIỀU LỆ VÀ VỐN HOẠT ĐỘNG CỦA NGÂN HÀNG AN BÌNH</b>		
<b>CHƯƠNG V</b>		
<b>CỔ PHẦN, CỔ PHIẾU, CỔ ĐÔNG, CỔ ĐÔNG LỚN VÀ CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP</b>		
<b>Điều 23: Cổ phần, Cổ đông</b> 4. Trường hợp góp vốn bằng giá trị quyền sử dụng đất và các tài sản khác không phải là tiền Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng thì phải là những tài sản cần thiết phục vụ trực tiếp cho hoạt động của Ngân hàng An Bình và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Việc định giá và chuyển quyền sử dụng đất và quyền sở hữu các tài sản này được thực hiện theo qui định tại Điều 29, Điều 30 Luật Doanh Nghiệp và các qui định của Pháp luật có liên quan. 5. Hội đồng Quản trị Ngân hàng An Bình quyết định giá chào bán cổ phần theo qui định của pháp luật Trường hợp giá chào bán cổ phần cao hơn mệnh giá cổ phần thì phải được quyết nghị thông qua của Đại hội đồng cổ đông, phần chênh lệch được hạch toán vào quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ. Mệnh giá cổ phần của Ngân hàng An Bình là 10.000 đồng (mười ngàn đồng) một cổ phần. Sau khi Ngân hàng An Bình đăng ký kinh doanh bất kỳ cổ phần phổ thông mới nào được dự kiến phát hành sẽ được ưu tiên chào bán trước cho các cổ đông theo tỉ lệ tương đương với số cổ phần tương ứng mà họ hiện đang nắm giữ. Việc chào bán sẽ được thực hiện bằng thông báo nêu rõ số cổ phần được chào bán và thời hạn (không ít hơn mười lăm	<b>Điều 23: Cổ phần, Cổ đông</b> 4. Trường hợp góp vốn bằng giá trị quyền sử dụng đất và các tài sản khác không phải là tiền Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng thì phải là những tài sản cần thiết phục vụ trực tiếp cho hoạt động của Ngân hàng An Bình và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Việc định giá và chuyển quyền sử dụng đất và quyền sở hữu các tài sản này được thực hiện theo qui định tại Điều 36, Điều 37 Luật Doanh Nghiệp và các qui định của Pháp luật có liên quan. 5. Hội đồng Quản trị Ngân hàng An Bình quyết định giá chào bán cổ phần theo qui định của pháp luật. Mệnh giá cổ phần của Ngân hàng An Bình là 10.000 đồng (mười ngàn đồng) một cổ phần. Việc phát hành cổ phần qua chào bán riêng lẻ hoặc chào bán ra công chúng thực hiện theo các quy định của pháp luật về chứng khoán, thị trường chứng khoán và các quy định pháp luật khác có liên quan.	Điều 36, 37 Luật DN 2014; Quy định điều chỉnh đề phù hợp và linh hoạt hơn với các quy định pháp luật chứng khoán thường xuyên thay đổi.

<p>ngày) chấp nhận chào bán. Bất kỳ cổ phần nào không được chấp nhận theo thông báo chào bán đó sẽ thuộc quyền xử lý của Hội đồng Quản trị. Hội đồng Quản trị có thể phân phối các quyền mua cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng Quản trị thấy là phù hợp, với điều kiện là các cổ phần đó không được chào bán theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.</p>		
<p><b>Điều 24: Giới hạn sở hữu cổ phần</b></p> <p>5. Tỷ lệ sở hữu cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài thực hiện theo quy định tại Điều 4 Nghị định số 69/2007/NĐ-CP ngày 20 tháng 4 năm 2007 của Chính phủ về việc nhà đầu tư nước ngoài mua cổ phần của Ngân hàng thương mại Việt Nam.</p>	<p><b>Điều 24: Giới hạn sở hữu cổ phần</b></p> <p>5. Tỷ lệ sở hữu cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài thực hiện theo quy định tại Điều 4 Nghị định số 01/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ về việc nhà đầu tư nước ngoài mua cổ phần của tổ chức tín dụng Việt Nam.</p>	<p>Nghị định 69/2007/NĐ-CP đã hết hiệu lực và bị thay thế bởi Nghị định 01/2014/NĐ-CP</p>
<p><b>Điều 25: Cổ phiếu</b></p> <p>1. Cổ phiếu của Ngân hàng An Bình là chứng chỉ do Ngân hàng An Bình phát hành hoặc bút toán ghi sổ xác nhận quyền sở hữu 01 (một) hoặc một số cổ phần của Ngân hàng An Bình. Cổ phiếu của Ngân hàng An Bình là cổ phiếu có ghi tên. Cổ phiếu Ngân hàng An Bình phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>e. Tên cổ đông</p> <p>g. Chữ ký mẫu của người đại diện theo Pháp luật và dấu</p>	<p><b>Điều 25: Cổ phiếu</b></p> <p>1. Cổ phiếu của Ngân hàng An Bình là chứng chỉ do Ngân hàng An Bình phát hành hoặc bút toán ghi sổ xác nhận quyền sở hữu 01 (một) hoặc một số cổ phần của Ngân hàng An Bình. Cổ phiếu của Ngân hàng An Bình là cổ phiếu có ghi tên. Cổ phiếu Ngân hàng An Bình phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>e. Tên cổ đông, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức;</p> <p>g. Chữ ký của người đại diện theo Pháp luật và dấu của Ngân hàng An Bình;</p>	<p>Điều 120 Luật DN 2014</p>

<p>của Ngân hàng An Bình;</p> <p>7. Trường hợp chỉ chuyển nhượng một số cổ phần đã đăng ký trong một cổ phiếu, cổ phiếu cũ sẽ bị hủy bỏ và 01 (một) cổ phiếu mới ghi nhận số cổ phần còn lại sẽ được cấp miễn phí.</p> <p>8. Ngân hàng An Bình có thể quản lý cổ phiếu hộ cổ đông hoặc cấp cổ phiếu theo yêu cầu của cổ đông. Trường hợp cổ phiếu bị mất, rách, cháy, hoặc bị tiêu hủy dưới hình thức khác, cổ đông phải có đơn báo ngay và đề nghị Ngân hàng cấp lại cổ phiếu khác và phải trả phí theo qui định của Ngân hàng An Bình.</p>	<p>7. Trường hợp chỉ chuyển nhượng một số cổ phần đã đăng ký được ghi nhận trong một chứng chỉ cổ phiếu thì chứng chỉ cổ phiếu cũ sẽ <i>bị thu hồi</i> và hủy bỏ và <i>chứng chỉ cổ phiếu mới ghi nhận số cổ phần</i> còn lại sẽ được cấp miễn phí.</p> <p>8. Ngân hàng An Bình có thể quản lý <i>chứng chỉ</i> cổ phiếu hộ cổ đông hoặc cấp <i>chứng chỉ</i> cổ phiếu theo yêu cầu của cổ đông. Trường hợp cổ phiếu bị mất, rách, cháy, hoặc bị tiêu hủy dưới hình thức khác, cổ đông phải có đơn báo ngay và đề nghị Ngân hàng cấp lại cổ phiếu khác và phải trả phí theo qui định của Ngân hàng An Bình.</p>	
<p><b>Điều 26: Chuyển nhượng cổ phần</b> Việc chào bán và chuyển nhượng cổ phần thực hiện theo quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4, 6 Điều 87 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>2. Việc chuyển nhượng cổ phần được thực hiện bằng văn bản theo cách thông thường hoặc bằng cách trao tay cổ phiếu. Giấy tờ chuyển nhượng phải được bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng hoặc đại diện ủy quyền của họ ký. Bên chuyển nhượng vẫn là người sở hữu cổ phần có liên quan cho đến khi tên của người nhận chuyển nhượng được đăng ký vào sổ đăng ký cổ đông. Trường hợp chỉ chuyển nhượng một số cổ phần trong cổ phiếu có ghi tên thì cổ phiếu cũ bị hủy bỏ và Ngân hàng phát hành cổ phiếu mới ghi nhận số cổ phần đã chuyển nhượng và số cổ phần còn lại.</p> <p>6. Việc chuyển nhượng cổ phần của Ngân hàng An Bình khi đã niêm yết được thực hiện theo các quy</p>	<p><b>Điều 26: Chuyển nhượng cổ phần</b> Việc chào bán và chuyển nhượng cổ phần thực hiện theo quy định tại <i>Điều 122; khoản 1, 3, 4, 5 Điều 124; Điều 125; Điều 126 Luật Doanh nghiệp 2014 và các quy định pháp luật liên quan.</i></p> <p><b>2.</b> Việc chuyển nhượng cổ phần được thực hiện <i>theo thỏa thuận bằng văn bản giữa các bên. Giấy tờ chuyển nhượng phải được bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng hoặc đại diện ủy quyền của họ ký. Hội đồng Quản trị Ngân hàng An Bình quyết định cách thức, hồ sơ, thủ tục chuyển nhượng trên cơ sở phù hợp với các quy định của pháp luật liên quan.</i></p> <p>6. Việc chuyển nhượng cổ phần của Ngân hàng An Bình khi đã niêm yết, <i>đăng ký giao dịch trên Sở Giao dịch</i></p>	<p>Điều 122, 124, 125, Điều 126 Luật DN 2014</p>

<p>định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.</p>	<p><i>chứng khoán</i> được thực hiện theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.</p>	
<p><b>CHƯƠNG VII</b> <b>CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG</b></p>		
<p><b>Điều 28: Sổ Đăng ký cổ đông</b> 1. Sổ đăng ký cổ đông phải có các nội dung chủ yếu sau: d. tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức; 4. Các nội dung khác có liên quan đến Sổ đăng ký cổ đông thực hiện theo quy định tại Điều 86 Luật Doanh nghiệp.</p>	<p><b>Điều 28. Sổ đăng ký cổ đông</b> 1. Sổ đăng ký cổ đông phải có các nội dung chủ yếu sau đây: d. tên, <i>mã số doanh nghiệp</i> hoặc số quyết định thành lập, <i>địa chỉ trụ sở chính</i> đối với cổ đông là tổ chức;  4. Các nội dung khác có liên quan đến Sổ đăng ký cổ đông thực hiện theo quy định tại <i>Điều 121</i> Luật Doanh nghiệp.</p>	<p>Điều 121 Luật DN 2014</p>
<p><b>Điều 29: Quyền hạn của cổ đông</b> 1. Người nắm giữ cổ phần phổ thông có các quyền sau: a. Các quyền theo quy định tại các điểm a, b, c, đ, e, g khoản 1 Điều 79 Luật Doanh nghiệp; b. Được chuyển nhượng cổ phần hoặc bán lại cổ phần cho Ngân hàng An Bình theo quy định tại Luật các tổ chức tín dụng, pháp luật khác có liên quan và Điều lệ Ngân hàng An Bình; c. Được ủy quyền bằng văn bản cho người khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình; người được ủy quyền được ủy quyền lại bằng văn bản cho người khác nếu được cổ đông đồng ý và không được nhân danh người ủy quyền bỏ phiếu cho chính mình. 3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên 10% (mười phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất 06 (sáu) tháng hoặc một tỷ lệ khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng, có các quyền theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 79 Luật Doanh nghiệp;</p>	<p><b>Điều 29: Quyền hạn của cổ đông</b> 1. Người nắm giữ cổ phần phổ thông có các quyền sau: a. Các quyền theo quy định tại các điểm a, b, c, đ, e, g khoản 1 <i>Điều 114</i> Luật Doanh nghiệp. b. Được chuyển nhượng cổ phần hoặc bán lại cổ phần cho Ngân hàng An Bình theo quy định tại Luật các tổ chức tín dụng, pháp luật khác có liên quan và Điều lệ Ngân hàng An Bình; c. Được ủy quyền bằng văn bản cho người khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình; <i>người được ủy quyền được ủy quyền lại bằng văn bản cho người khác nếu được cổ đông đồng ý.</i> 3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên 10% (mười phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất 06 (sáu) tháng hoặc một tỷ lệ khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng, có các quyền theo quy định tại khoản 2, khoản 3 <i>Điều 114</i> Luật Doanh nghiệp;</p>	<p>Điều 114, 116, 117 Luật DN 2014</p>

<p>4. Việc đề cử người vào Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát được thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 79 Luật Doanh nghiệp nhưng danh sách ứng cử viên phải được gửi tới Hội đồng Quản trị theo thời hạn do Hội đồng Quản trị quy định.</p> <p>5. Cổ đông ưu đãi biểu quyết có các quyền theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>6. Cổ đông ưu đãi cổ tức có các quyền theo quy định tại khoản 2 Điều 82 Luật Doanh nghiệp.</p>	<p>4. Việc đề cử người vào Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát được thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 114 Luật Doanh nghiệp nhưng danh sách ứng cử viên phải được gửi tới Hội đồng Quản trị theo thời hạn do Hội đồng Quản trị quy định.</p> <p>5. Cổ đông ưu đãi biểu quyết có các quyền theo quy định tại khoản 2 Điều 116 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>6. Cổ đông ưu đãi cổ tức có các quyền theo quy định tại khoản 2 Điều 117 Luật Doanh nghiệp.</p>	
<p><b>Điều 30: Nghĩa vụ của Cổ đông</b></p> <p>1. Cổ đông của Ngân hàng An Bình phải thực hiện các nghĩa vụ sau:</p> <p>b. Không được rút vốn cổ phần đã góp ra khỏi Ngân hàng dưới mọi hình thức dẫn đến việc giảm vốn điều lệ của Ngân hàng, trừ trường hợp được Ngân hàng hoặc người khác mua lại cổ phần theo quy định tại Điều lệ này và quy định của pháp luật. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì thành viên Hội đồng Quản trị và người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Ngân hàng trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút;</p> <p>d. Các nghĩa vụ khác theo quy định tại các khoản 2, 3, 4, 5 Điều 80 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>e. Chấp hành nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;</p>	<p><b>Điều 30: Nghĩa vụ của Cổ đông</b></p> <p>1. Cổ đông của Ngân hàng An Bình phải thực hiện các nghĩa vụ sau:</p> <p>b. Không được rút vốn cổ phần đã góp ra khỏi Ngân hàng dưới mọi hình thức dẫn đến việc giảm vốn điều lệ của Ngân hàng, trừ trường hợp được Ngân hàng hoặc người khác mua lại cổ phần theo quy định tại Điều lệ này và quy định của pháp luật. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì <i>cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong công ty</i> phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Ngân hàng trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.</p> <p>d. Các nghĩa vụ khác theo quy định tại các khoản 2, 3, 4, Điều 115 Luật Doanh nghiệp.</p>	<p>Điều 115 Luật DN 2014; bỏ nội dung tại điểm e khoản 1 điều này do nội dung bị trùng lặp với quy định dẫn chiếu tại điểm d khoản này.</p>
<p><b>Điều 31: Quyền hạn và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p>3. Các nội dung khác liên quan đến Đại hội đồng cổ đông thực hiện theo quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 96 Luật Doanh nghiệp.</p>	<p><b>Điều 31: Quyền hạn và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p>3. Các nội dung khác liên quan đến Đại hội đồng cổ đông thực hiện theo quy định tại <i>khoản 1 Điều 135</i> Luật Doanh nghiệp.</p>	<p>Điều 135 Luật DN 2014</p>

<p><b>Điều 32: Họp Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p>1. Thẩm quyền triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông: thực hiện theo quy định tại Điều 97 Luật Doanh nghiệp (ngoại trừ những quy định trái với Luật các tổ chức tín dụng 2010). Trường hợp xảy ra sự kiện ảnh hưởng đến an toàn hoạt động của ngân hàng An Bình, Ngân hàng Nhà nước có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường và quyết định về nội dung Ngân hàng Nhà nước yêu cầu.</p> <p>2. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên trong thời hạn 04 tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Đại hội đồng cổ đông họp bất thường theo quyết định triệu tập họp của Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Ngân hàng.</p> <p>b) Số thành viên Hội đồng quản trị còn lại ít hơn số thành viên tối thiểu quy định tại khoản 1 Điều 62 của Luật các tổ chức tín dụng;</p> <p>c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất 06 tháng;</p> <p>d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;</p> <p>đ) Các trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ của Ngân hàng.</p> <p>3. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông thực hiện theo quy định tại Điều 98 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>4. Chương trình và nội dung họp Đại hội đồng cổ đông thực hiện theo quy định tại Điều 99 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>5. Mời họp Đại hội đồng cổ đông thực hiện theo quy định</p>	<p><b>Điều 32: Họp Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p>1. Thẩm quyền triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông: thực hiện theo quy định tại <i>Điều 136</i> Luật Doanh nghiệp (ngoại trừ những quy định trái với Luật các tổ chức tín dụng 2010). Trường hợp xảy ra sự kiện ảnh hưởng đến an toàn hoạt động của ngân hàng An Bình, Ngân hàng Nhà nước có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường và quyết định về nội dung Ngân hàng Nhà nước yêu cầu.</p> <p>2. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên trong thời hạn 04 tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Đại hội đồng cổ đông họp bất thường theo quyết định triệu tập họp của Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Ngân hàng.</p> <p>b) Số thành viên Hội đồng quản trị còn lại ít hơn số thành viên tối thiểu quy định tại khoản 1 Điều 62 của Luật các tổ chức tín dụng <i>và/hoặc số lượng thành viên còn lại không đủ theo quy định tại khoản 3 Điều 43 Luật các tổ chức tín dụng;</i></p> <p>c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất 06 tháng;</p> <p>d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;</p> <p>đ) Các trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ của Ngân hàng.</p> <p>3. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông thực hiện theo quy định tại <i>Điều 137</i> Luật Doanh nghiệp.</p> <p>4. Chương trình và nội dung họp Đại hội đồng cổ đông thực hiện theo quy định tại <i>Điều 138</i> Luật Doanh nghiệp.</p> <p>5. Mời họp Đại hội đồng cổ đông thực hiện theo quy định</p>	<p>Điều 136, 137, 138, 139, 140, 141, 142 Luật DN 2014; Khoản 3 Điều 43 Luật CTCTD</p>
--	--	--

<p>tại Điều 100 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>6. Quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông thực hiện theo quy định tại Điều 101 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>7. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông thực hiện theo quy định tại Điều 102 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>8. Thủ tục tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông thực hiện theo quy định tại Điều 103 Luật Doanh nghiệp.</p>	<p>tại Điều 139 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>6. Quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông thực hiện theo quy định tại Điều 140 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>7. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông thực hiện theo quy định tại Điều 141 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>8. Thủ tục tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông thực hiện theo quy định tại Điều 142 Luật Doanh nghiệp.</p>	
<p><b>Điều 33: Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p>1. Việc thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông thực hiện theo quy định tại các khoản 1, 4, 6 Điều 104 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>2. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề quy định tại các điểm a, d, f, q khoản 1 Điều 31 Điều lệ này phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>3. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua tại cuộc họp khi bảo đảm các điều kiện sau đây:</p> <p>a. Các điều kiện quy định tại điểm a, điểm c khoản 3 Điều 104 Luật Doanh nghiệp;</p> <p>b. Trừ trường hợp quy định tại điểm c khoản này, quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua tại cuộc họp khi được số cổ đông đại diện trên 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận.</p> <p>c. Được số cổ đông đại diện ít nhất 65% (sáu mươi lăm phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận, đối với một số vấn đề sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông qua phương án thay đổi mức vốn điều lệ</li> <li>- Quyết định về loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán;</li> <li>- Quyết định đầu tư, mua, bán tài sản của ngân hàng An Bình có giá trị từ 20% trở lên so với vốn điều lệ của ngân hàng An Bình ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm</li> </ul>	<p><b>Điều 33: Thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p>1. Việc thông qua <i>nghị quyết</i> của Đại hội đồng cổ đông thực hiện theo quy định tại các khoản 1 Điều 143; khoản 5 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>2. <i>Nghị quyết</i> của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề quy định tại các điểm a, d, f, q khoản 1 Điều 31 Điều lệ này phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>3. <i>Nghị quyết</i> của Đại hội đồng cổ đông được thông qua tại cuộc họp khi bảo đảm các điều kiện sau đây:</p> <p>a. Các điều kiện quy định tại khoản 1, 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp;</p> <p>b. Trừ trường hợp quy định tại điểm c khoản này, <i>nghị quyết</i> của Đại hội đồng cổ đông được thông qua tại cuộc họp khi được số cổ đông đại diện trên 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận</p> <p>c. Được số cổ đông đại diện ít nhất 65% (sáu mươi lăm phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận, đối với một số vấn đề sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông qua phương án thay đổi mức vốn điều lệ</li> <li>- Quyết định về loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán;</li> <li>- Quyết định đầu tư, mua, bán tài sản của ngân hàng An Bình có giá trị từ 20% trở lên so với vốn điều lệ của ngân hàng An Bình ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất hoặc một tỷ lệ khác thấp hơn theo quy định tại Điều lệ của</li> </ul>	<p>Điều 143, 144, 145 Luật DN 2014</p>

<p>toán gần nhất hoặc một tỷ lệ khác thấp hơn theo quy định tại Điều lệ của ngân hàng An Bình.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Ngân hàng;</li> <li>- Quyết định việc tổ chức lại, giải thể Ngân hàng hoặc yêu cầu tòa án mở thủ tục phá sản Ngân hàng;</li> </ul> <p>4. Thâm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông thực hiện theo quy định tại Điều 105 Luật Doanh nghiệp. Trường hợp thông qua quyết định dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 75% (bảy mươi lăm phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết chấp thuận.</p>	<p>ngân hàng An Bình.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Ngân hàng;</li> <li>- Quyết định việc tổ chức lại, giải thể Ngân hàng hoặc yêu cầu tòa án mở thủ tục phá sản Ngân hàng;</li> <li>- <i>Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;</i></li> <li>- <i>Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý ngân hàng;</i></li> </ul> <p>4. Thâm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua <i> nghị quyết</i> của Đại hội đồng cổ đông thực hiện theo quy định tại <i>Điều 145</i> Luật Doanh nghiệp. Trường hợp thông qua <i> nghị quyết</i> dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì <i> nghị quyết</i> của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 51% (năm mươi một phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết chấp thuận</p>	
<p><b>Điều 34: Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p>1. Các nội dung liên quan đến biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thực hiện theo quy định tại Điều 106 Luật Doanh nghiệp.</p>	<p><b>Điều 34: Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p>1. Các nội dung liên quan đến biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thực hiện theo quy định tại <i>Điều 146</i> Luật Doanh nghiệp.</p>	<p>Điều 146 Luật DN 2014</p>
<p><b>Điều 35: Hủy bỏ các quyết định của Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p>Việc yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông thực hiện theo quy định tại Điều 107 Luật Doanh nghiệp.</p>	<p><b>Điều 35: Hủy bỏ các quyết định của Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p>Việc yêu cầu hủy bỏ <i> nghị quyết</i> của Đại hội đồng cổ đông thực hiện theo quy định tại <i>Điều 147</i> Luật Doanh nghiệp.</p>	<p>Điều 147 Luật DN 2014</p>
<p><b>CHƯƠNG VIII</b> <b>ĐIỀU KHOẢN CHUNG</b> <b>CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC</b></p>		
<p><b>Điều 40: Những trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ</b></p> <p>3. Những người sau đây không được là thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát hoặc làm Tổng Giám Đốc, Phó Tổng Giám Đốc và chức danh tương đương của Ngân</p>	<p><b>Điều 40: Những trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ</b></p> <p>3. Những người sau đây không được là thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát hoặc làm Tổng Giám Đốc, Phó Tổng Giám Đốc và chức danh tương đương của Ngân hàng An</p>	<p>Bỏ quy định tại điểm f khoản này trong Điều lệ cũ do đã trùng lặp nội dung với điểm g.</p>

<p>hàng An Bình: f. Bố, mẹ, vợ, chồng, con, anh, chị, em ruột của thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám Đốc không được là thành viên Ban Kiểm soát của Ngân hàng. g. Người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc (Giám đốc) không được là thành viên Ban kiểm soát của Ngân hàng An Bình;</p>	<p>Bình: f. Người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc (Giám đốc) không được là thành viên Ban kiểm soát của Ngân hàng An Bình;</p>	
<p><b>Điều 41: Những trường hợp không cùng đảm nhiệm chức vụ</b> 2. Thành viên Ban Kiểm soát:</p> <p>b. Không được đồng thời là thành viên Hội đồng Quản trị, người điều hành của doanh nghiệp mà thành viên Ban Kiểm soát của doanh nghiệp đó đang là thành viên Hội đồng Quản trị, người điều hành tại Ngân hàng An Bình;</p>	<p><b>Điều 41: Những trường hợp không cùng đảm nhiệm chức vụ</b> 2. Thành viên Ban Kiểm soát:</p> <p>b. Không được đồng thời là thành viên Hội đồng Quản trị, <i>thành viên Hội đồng thành viên</i>, người điều hành của doanh nghiệp mà thành viên Ban Kiểm soát của doanh nghiệp đó đang là thành viên Hội đồng Quản trị, người điều hành tại Ngân hàng An Bình;</p>	<p>Khoản 2 Điều 34 Luật CTCTD</p>
<p><b>Điều 43: Tiêu chuẩn, điều kiện về tính độc lập của thành viên Hội đồng Quản trị độc lập</b> 3. Không phải là người có vợ, chồng, cha, mẹ, con, anh, chị, em và vợ, chồng của những người này là cổ đông lớn của ABBANK, người quản lý hoặc thành viên Ban kiểm soát của ABBANK hoặc công ty con của ABBANK.</p>	<p><b>Điều 43: Tiêu chuẩn, điều kiện về tính độc lập của thành viên Hội đồng Quản trị độc lập</b> 3. Không phải là người có vợ hoặc chồng, <i>cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột</i> và vợ chồng của những người này là cổ đông lớn của ABBANK, người quản lý hoặc thành viên Ban kiểm soát của ABBANK hoặc công ty con của ABBANK. <b>6. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải thông báo với Hội đồng quản trị về việc không còn đáp ứng đủ điều kiện theo quy định tại Điều này và đương nhiên không còn là thành viên độc lập Hội đồng quản trị kể từ ngày không đáp ứng đủ điều kiện. Hội đồng quản trị phải thông báo trường hợp thành viên độc lập Hội đồng quản trị không còn đáp ứng đủ điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập Hội đồng quản trị đó trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị có</b></p>	<p>Điều 151 Luật DN 2014; khoản 2 Điều 50 Luật CTCTD.</p>

	<i>liên quan.</i>	
<p><b>Điều 47: Công khai các thông tin liên quan</b></p> <p>1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc) và các chức danh tương đương của Ngân hàng An Bình phải công khai với ngân hàng các thông tin sau đây:</p> <p>a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp, tổ chức kinh tế mà mình và người có liên quan đứng tên sở hữu phần vốn góp, cổ phần hoặc ủy quyền, ủy thác cho cá nhân, tổ chức khác đứng tên từ 5% vốn điều lệ trở lên;</p> <p>b) Tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp mà mình và người có liên quan đang là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc).</p>	<p><b>Điều 47: Công khai các thông tin liên quan</b></p> <p>1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc và các chức danh tương đương của Ngân hàng An Bình phải công khai với ngân hàng các thông tin sau đây:</p> <p>a) Tên, <i>mã số doanh nghiệp</i>, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp, tổ chức kinh tế mà mình và người có liên quan đứng tên sở hữu phần vốn góp, cổ phần hoặc ủy quyền, ủy thác cho cá nhân, tổ chức khác đứng tên từ 5% vốn điều lệ trở lên;</p> <p>b) Tên, <i>mã số doanh nghiệp</i>, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà mình và người có liên quan đang là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc )</p>	Điều 159 Luật DN 2014
<p><b>Điều 49: Nghĩa vụ trung thành và tránh xung đột quyền lợi của thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, người điều hành, Giám đốc chi nhánh, Giám đốc Sở Giao dịch, Giám đốc công ty trực thuộc, Giám đốc đơn vị sự nghiệp của Ngân hàng An Bình</b></p> <p>4. Việc công khai các lợi ích có liên quan thực hiện theo quy định tại Điều 118 Luật Doanh nghiệp.</p>	<p><b>Điều 49: Nghĩa vụ trung thành và tránh xung đột quyền lợi của thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, người điều hành, Giám đốc chi nhánh, , Giám đốc công ty trực thuộc, Giám đốc đơn vị sự nghiệp của Ngân hàng An Bình</b></p> <p>4. Việc công khai các lợi ích có liên quan thực hiện theo quy định tại <i>Điều 159</i> Luật Doanh nghiệp</p>	Điều 159 Luật DN 2014
<p><b>CHƯƠNG X</b></p> <p><b>HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</b></p>		
<p><b>Điều 51: Thành phần và nhiệm kỳ</b></p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị với số cổ đông đại diện ít nhất 65% (sáu mươi lăm phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận. Hội đồng Quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng Quản trị.</p>	<p><b>Điều 51: Thành phần và nhiệm kỳ</b></p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị <i>theo phương thức bầu dồn phiếu. Theo đó, mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần</i></p>	Điểm d, Khoản 3, Điều 59 Luật CTCTD; Khoản 3, Điều 144, Luật DN 2014.

	<p><i>sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Khoản 2 Điều này. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau.</i></p>	
<p><b>Điều 52: Cơ cấu tổ chức của các Ủy ban của Hội đồng Quản trị</b></p> <p>3. Chủ nhiệm các Ủy ban phải là thành viên Hội đồng Quản trị. Hội đồng Quản trị bổ nhiệm, miễn nhiệm các thành viên của Ủy ban theo quy định nội bộ của Ngân hàng An Bình.</p> <p>4. Căn cứ chức năng và nhiệm vụ được giao, Ủy ban có thể bao gồm một hoặc một số thành viên không phải là thành viên Hội đồng Quản trị (như chuyên gia tư vấn độc lập, cán bộ tại các bộ phận chuyên môn của Ngân hàng hoặc các trường hợp khác do Hội đồng Quản trị Ngân hàng An Bình quyết định).</p> <p>5. Hội đồng Quản trị phải ban hành quy định nội bộ về cơ chế làm việc và chức năng, nhiệm vụ của các Ủy ban của Hội đồng Quản trị. Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc sau khi ban hành, Hội đồng Quản trị gửi các</p>	<p><b>Điều 52: Cơ cấu tổ chức của các Ủy ban của Hội đồng Quản trị</b></p> <p>3. Chủ nhiệm các Ủy ban phải là thành viên Hội đồng Quản trị. Hội đồng Quản trị bổ nhiệm, miễn nhiệm Chủ nhiệm và các thành viên của Ủy ban Quản lý rủi ro và Ủy ban Nhân sự.</p> <p>4. Căn cứ chức năng và nhiệm vụ được giao, Ủy ban có thể bao gồm một hoặc một số thành viên không phải là thành viên Hội đồng Quản trị.</p> <p>5. Hội đồng Quản trị phải ban hành quy định nội bộ về cơ chế làm việc và chức năng, nhiệm vụ của các Ủy ban của Hội đồng Quản trị. Ngay sau khi ban hành, Hội đồng Quản trị gửi các quy định nội bộ này tới NHNN chi nhánh và NHNN (qua Cơ quan Thanh tra, giám sát) để báo cáo.</p>	<p>Khoản 1 điều 26 thông tư 40/2011/TT-NHNN</p>

<p>quy định nội bộ này tới Ngân hàng Nhà nước chi nhánh và Ngân hàng Nhà nước (qua Cơ quan Thanh tra, giám sát) để báo cáo.</p>		
<p><b>Điều 55: Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng Quản trị</b> Hội đồng Quản trị Ngân hàng An Bình có các quyền và nhiệm vụ sau đây: 8. Quyết định đầu tư, giao dịch mua, bán tài sản, các khoản cho vay, bảo lãnh có giá trị lớn hơn 10% (mười phần trăm) vốn điều lệ của Ngân hàng An Bình ghi trong báo cáo tài chính gần nhất trên cơ sở đảm bảo các quy định về an toàn trong hoạt động Ngân hàng An Bình, trừ các giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông quy định tại điểm n khoản 1 Điều 31 điều lệ này.</p>	<p><b>Điều 55: Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng Quản trị</b> Hội đồng Quản trị Ngân hàng An Bình có các quyền và nhiệm vụ sau đây: 8. Quyết định đầu tư, giao dịch mua, bán tài sản, các khoản cho vay, bảo lãnh có giá trị từ 10% (mười phần trăm) trở lên so với vốn điều lệ của Ngân hàng An Bình ghi trong báo cáo tài chính gần nhất trên cơ sở đảm bảo các quy định về an toàn trong hoạt động Ngân hàng An Bình, trừ các giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông quy định tại điểm n khoản 1 Điều 31 điều lệ này.</p>	<p>Khoản 8 Điều 63 Luật các TCTD 2010</p>
<p><b>Điều 56: Quyền hạn, nhiệm vụ của Chủ tịch và thành viên Hội đồng Quản trị</b> 2. Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải cư trú tại Việt Nam, trường hợp vắng mặt ở Việt Nam thì phải ủy quyền bằng văn bản cho người khác đang cư trú tại Việt Nam theo quy định tại khoản 1 Điều này để thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn của mình: a. Các nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 111 Luật Doanh nghiệp, Điều 64 Luật các Tổ chức tín dụng 2010.</p>	<p><b>Điều 56: Quyền hạn, nhiệm vụ của Chủ tịch và thành viên Hội đồng Quản trị</b> 2. Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải cư trú tại Việt Nam, trường hợp vắng mặt ở Việt Nam thì phải ủy quyền bằng văn bản cho người khác đang cư trú tại Việt Nam theo quy định tại khoản 1 Điều này để thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn của mình: a. Các nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 152 Luật Doanh nghiệp, Điều 64 Luật các Tổ chức tín dụng 2010</p>	<p>Điều 152 Luật DN 2014</p>
<p><b>Điều 60: Các cuộc họp của Hội đồng Quản trị</b> 1. Các nội dung liên quan đến việc họp Hội đồng Quản trị thực hiện theo quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4, 6, 7 Điều 112 Luật Doanh nghiệp. 2. Chủ tịch hoặc thành viên Hội đồng Quản trị được Chủ tịch ủy quyền phải triệu tập họp Hội đồng Quản trị trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được một trong các đề nghị theo quy định tại Điều lệ này. Trường</p>	<p><b>Điều 60: Các cuộc họp của Hội đồng Quản trị</b> 1. Các nội dung liên quan đến việc họp Hội đồng Quản trị thực hiện theo quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4, 6, 7 Điều 153 Luật Doanh nghiệp. 2. Chủ tịch hoặc thành viên Hội đồng Quản trị được Chủ tịch ủy quyền phải triệu tập họp Hội đồng Quản trị trong thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày nhận được một trong các đề nghị theo quy định tại Điều lệ này. Trường họp Chủ tịch hoặc</p>	<p>Điều 153, 154 Luật DN 2014</p>

<p>hợp Chủ tịch hoặc người được ủy quyền không triệu tập họp Hội đồng Quản trị theo đề nghị thì phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Ngân hàng, trừ trường hợp không triệu tập họp được vì lý do bất khả kháng; trong trường hợp này, người đề nghị họp Hội đồng Quản trị có quyền triệu tập họp Hội đồng Quản trị, các thành viên Hội đồng Quản trị dự họp bỏ phiếu bầu Chủ tọa cuộc họp.</p> <p>4. Cuộc họp Hội đồng Quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 (ba phần tư) tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp không trực tiếp dự họp, thành viên Hội đồng Quản trị có quyền ủy quyền biểu quyết cho một thành viên Hội đồng Quản trị khác hoặc gửi ý kiến biểu quyết bằng văn bản. Trường hợp biểu quyết bằng văn bản, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến chủ tọa cuộc họp Hội đồng Quản trị chậm nhất 01(một) giờ trước giờ khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những thành viên trực tiếp dự họp.</p> <p>5. Thành viên Hội đồng Quản trị được ủy quyền cho người khác không phải là thành viên Hội đồng Quản trị dự họp nếu được đa số thành viên Hội đồng Quản trị chấp thuận. Trong trường hợp này, người được ủy quyền dự họp không được biểu quyết.</p> <p>7. Biên bản họp Hội đồng Quản trị: a. Các nội dung liên quan đến Biên bản họp Hội đồng Quản trị thực hiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2</p>	<p>người được ủy quyền không triệu tập họp Hội đồng Quản trị theo đề nghị thì phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Ngân hàng, trừ trường hợp không triệu tập họp được vì lý do bất khả kháng; trong trường hợp này, người đề nghị họp Hội đồng Quản trị có quyền triệu tập họp Hội đồng Quản trị, các thành viên Hội đồng Quản trị dự họp bỏ phiếu bầu Chủ tọa cuộc họp.</p> <p>4. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ ba phần tư tổng số thành viên trở lên dự họp. <i>Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất, trừ trường hợp Điều lệ quy định thời hạn khác ngắn hơn. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành, nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.</i> Trường hợp không trực tiếp dự họp, thành viên Hội đồng Quản trị có quyền ủy quyền biểu quyết cho một thành viên Hội đồng Quản trị khác hoặc gửi ý kiến biểu quyết bằng văn bản. Trường hợp biểu quyết bằng văn bản, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến chủ tọa cuộc họp Hội đồng Quản trị chậm nhất 01(một) giờ trước giờ khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những thành viên trực tiếp dự họp.</p> <p>5. Thành viên Hội đồng Quản trị được ủy quyền cho người khác không phải là thành viên Hội đồng Quản trị dự họp nếu được đa số thành viên Hội đồng Quản trị chấp thuận.</p> <p>7. Biên bản họp Hội đồng Quản trị: a. Các nội dung liên quan đến Biên bản họp Hội đồng Quản trị thực hiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 <i>Điều 154</i></p>	
---	---	--

Điều 113 Luật Doanh nghiệp.	Luật Doanh nghiệp.	
<b>CHƯƠNG XI TỔNG GIÁM ĐỐC</b>		
<b>Điều 65: Nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám Đốc</b> 1. Các quyền và nhiệm vụ quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 116 Luật Doanh nghiệp, Điều 49 luật Các Tổ chức tín dụng 2010	<b>Điều 65: Nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám Đốc</b> 1. Các quyền và nhiệm vụ quy định tại khoản 3, khoản 4 <i>Điều 157</i> Luật Doanh nghiệp, Điều 49 luật Các Tổ chức tín dụng 2010	Điều 157 Luật DN 2014
<b>Điều 70: Các cuộc họp của Ban Kiểm soát</b> 5. Thông báo và chương trình họp: Cuộc họp Ban Kiểm soát được tiến hành sau 5 (năm) ngày kể từ ngày gửi thông báo cho các thành viên Ban Kiểm soát. Thông báo về cuộc họp Ban Kiểm soát được làm bằng văn bản tiếng Việt, trong đó nêu rõ về: Chương trình họp, thời gian, địa điểm và phải được gửi kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Ban Kiểm soát và cả các phiếu bầu cho những thành viên Ban Kiểm soát không thể dự họp. Những thành viên Ban Kiểm soát này sẽ gửi phiếu bầu cho Ban Kiểm soát trước khi họp.	<b>Điều 70: Các cuộc họp của Ban Kiểm soát</b> 5. Thông báo và chương trình họp: Cuộc họp Ban Kiểm soát được tiến hành sau ít nhất 5 (năm) ngày kể từ ngày gửi thông báo cho các thành viên Ban Kiểm soát trừ trường hợp được các thành viên Ban Kiểm soát đồng ý về thời hạn sớm hơn. Thông báo về cuộc họp Ban Kiểm soát được làm bằng văn bản tiếng Việt, trong đó nêu rõ về: Chương trình họp, thời gian, địa điểm và phải được gửi kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Ban Kiểm soát và cả các phiếu bầu cho những thành viên Ban Kiểm soát không thể dự họp. Những thành viên Ban Kiểm soát này sẽ gửi phiếu biểu quyết cho Ban Kiểm soát trước khi họp.	Quy định nhằm phù hợp với khả năng thực hiện và tình hình thực tế thực hiện.
<b>CHƯƠNG XVI PHÂN CHIA LỢI NHUẬN</b>		
<b>Điều 74: Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ</b> 4. Mỗi cổ đông sẽ có quyền nhận được 01(một) bản sao Điều lệ này miễn phí. Nếu Ngân hàng An Bình có một trang web, Điều lệ sẽ được công bố trên trang web này.	<b>Điều 74: Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ</b> 4. Mỗi cổ đông sẽ có quyền nhận được 01(một) bản sao Điều lệ này miễn phí. Trường hợp Điều lệ này được công bố trên trang web của Ngân hàng An Bình thì việc công bố này được thay cho việc cung cấp bản sao Điều lệ này cho cổ đông.	Quy định nhằm phù hợp với khả năng thực hiện và tình hình thực tế
<b>Điều 75: Người lao động và công đoàn</b> Tổng Giám Đốc sẽ phải xây dựng Quy chế liên quan đến	<b>Điều 75: Người lao động và công đoàn</b> Tổng Giám Đốc phải xây dựng Quy chế liên quan đến việc	Điểm 1, khoản 2, Điều 149 Luật Doanh nghiệp 2014;

việc tuyển dụng, thuê mướn lao động, buộc thôi việc, lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động của Ngân hàng An Bình cũng như quan hệ của Ngân hàng An Bình với tổ chức Công đoàn, để báo cáo Hội đồng Quản trị xem xét và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.	tuyển dụng, thuê mướn lao động, buộc thôi việc, lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động của Ngân hàng An Bình cũng như quan hệ của Ngân hàng An Bình với tổ chức Công đoàn, trình Hội đồng Quản trị xem xét ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền của Tổng Giám đốc.	Khoản 12, Điều 63 Luật các TCTD 2010
<b>Điều 76: Cổ tức</b> 1. Việc trả cổ tức của Ngân hàng An Bình thực hiện theo quy định tại Điều 93 Luật Doanh nghiệp.	<b>Điều 76: Cổ tức</b> 1. Việc trả cổ tức của Ngân hàng An Bình thực hiện theo quy định tại <i>Điều 132</i> Luật Doanh nghiệp.	Điều 132 Luật DN 2014
<b>Điều 88: Chế độ tài chính</b> Ngân hàng An Bình chấp hành chế độ tài chính theo qui định của Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Tài chính.	<i>Bỏ điều 88. Kể từ điều kế tiếp đôn lên 1 số thứ tự</i>	Trùng lặp nội dung với khoản 1 Điều 82 Điều lệ
<b>Điều 98: Giải quyết tranh chấp nội bộ</b>  2. Nếu không có quyết định nào đạt được trong hòa giải trong vòng 8 (tám) tuần từ khi bắt đầu quá trình hòa giải hoặc nếu quyết định của hòa giải viên không được các bên chấp nhận, bất kỳ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Tòa án Kinh Tế.	<b>Điều 98: Giải quyết tranh chấp nội bộ</b>  2. Nếu không có quyết định nào đạt được trong hòa giải trong vòng 8 (tám) tuần từ khi bắt đầu quá trình hòa giải hoặc nếu quyết định của hòa giải viên không được các bên chấp nhận, bất kỳ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Tòa án <i>nhân dân có thẩm quyền để giải quyết theo quy định của pháp luật.</i>	Điều 29, 30, 34 Bộ luật tố tụng dân sự 2004.
	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bỏ cụm từ “<i>Sở Giao Dịch</i>” trong toàn bộ Điều lệ</li> <li>- Viết tắt <i>Ngân hàng Nhà Nước</i> là: “<i>NHNN</i>”.</li> <li>- Đổi tên “<i>Mục</i>” thành tên “<i>Chương</i>” cho mỗi Chương của Điều lệ.</li> <li>- Chính sửa một số nội dung liên quan tới hình thức trình bày, chính tả, diễn đạt lại ngữ nghĩa cho chính xác hơn.</li> </ul>	Điều 33 Khoản 1 thông tư 21/2013/TT-NHNN